

TÒA PHÚ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 408/2025/DS-PT
Ngày 23/9/2025
V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công
Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1186/2025/QĐ-PT, ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1940; cư trú tại: Số A, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966; cư trú tại: L, đường C, khu dân cư M, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường S, Thành Phố Cần Thơ) - Theo Giấy uỷ quyền ngày 18/6/2020; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1951 (chết ngày 30/7/2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1. Bà Trần Thị Thu T, sinh ngày 19/02/1975; cư trú tại: Số A, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949; cư trú tại: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Thu L1, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

5. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà N, H1, L1, T1: Bà Trần Thị Thu T, sinh ngày 19/02/1975; cư trú tại: Số A, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ) là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 06/11/2023; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã T, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1932 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B:

2.1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1970; cư trú tại: Số G, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.2. Bà Trần Thị B1, sinh năm 1961; cư trú tại: Số C, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.3. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1954; cư trú tại: Số H, ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Đ, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.4. Bà Trần Thị C, sinh năm 1956; cư trú tại: Số B ấp L, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã Đ, Thành Phố Cần Thơ).

2.5. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1938 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T3:

2.5.1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1976; cư trú tại: Số I, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.5.2. Ông Trần Văn K, sinh năm 1953; cư trú tại: Số A, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.5.3. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.5.4. Bà Trần Thị D1, sinh năm 1966; cư trú tại: Số B, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.5.5. Ông Trần Văn P, sinh năm 1975; cư trú tại: Số H, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.5.6. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1956; cư trú tại: Số A khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.5.7. Bà Trần Thị K1, sinh năm 1978; cư trú tại: Số A khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

2.5.8. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1960; cư trú tại: Khu V, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (Nay là phường B, thành phố Cần Thơ); vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Q1, sinh năm 1930 (chết.)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Q1:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960); vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962); vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1977); vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1973); vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1975); vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, thành Phố Cần Thơ).

3.6. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1966; cư trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã T, Thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

4. Trần Ngọc E, sinh năm 1949; cư trú tại: G Vaucluse Crer E Expiry D; vắng mặt.

5. Ông Trần Văn K2, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, thành Phố Cần Thơ); vắng mặt.

6. Ông Trần Văn C2, sinh năm 1971; vắng mặt.

7. Bà Trần Thị T5, sinh năm 1972; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số A, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường K, Thành Phố Cần Thơ).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L là nguyên đơn và ông Trần Văn C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2020 của nguyên đơn bà Trần Thị L, quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Việt H là người đại diện trình bày:

Hộ gia đình mẹ bà L là bà Hứa Thị G (sinh ngày 01/01/1913, chết ngày 29/02/2008, nhưng không để lại di chúc) có làm chủ các phần đất tại các Thửa đất số 211, 214, 215, cùng tờ bản đồ số 09, diện tích 13.057m², vị trí tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được UBND huyện V (nay là UBND thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/10/1996 do mẹ bà L là bà G đại diện hộ đứng tên người sử dụng đất (do tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người có quyền sử dụng đất chung trong hộ gia đình mẹ bà L gồm có tất cả 04 thành viên là mẹ bà L, Trần Văn C2, Trần Thị T5 và Trần Văn K2).

Nguồn gốc các thửa đất nêu trên mà hộ gia đình mẹ bà L có được là do tự khai phá trước năm 1975; Khi mẹ bà L còn sống đã sang nhượng hết 02 Thửa đất 214, 215 để có tiền chi tiêu chăm lo cho mẹ bà L lúc tuổi già, riêng Thửa đất số 211 thì

đã được hộ gia đình mẹ bà L thay nhau trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục từ khi khai phá cho đến nay. Bản thân cháu bà L tên Trần Văn C2 là người đã trực tiếp chăm lo cho mẹ bà L cho đến khi mẹ bà L qua đời, thực tế đó các con của mẹ bà L đều biết rõ.

Lúc sinh thời mẹ bà L có được tất cả 07 người con gồm: Trần Văn A (chết năm 2016), Trần Văn Đ1 (chết năm 2019), Trần Thị Q1, Trần Thị L, Trần Ngọc E, Trần Thị D2 (chết năm 2009) và Trần Văn Ú.

Đến tháng 4/2019 thì phát sinh tranh chấp giữa cháu Trần Văn C2 với Trần Văn Ú liên quan phần di sản thừa kế của mẹ bà L để lại. Khi đó nghe theo sự hướng dẫn của cán bộ địa chính xã V, cháu Trần Văn C2 mới giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Trần Văn Ú để Trần Văn Ú tách riêng ra phần thừa kế mà Trần Văn Ú được hưởng đối với di sản thừa kế mà mẹ bà L để lại; Nhưng do Trần Văn Ú muốn chiếm đoạt Thửa đất số 211 cho riêng mình nên đã giữ luôn giấy chứng nhận đó cho đến nay mà không trả lại cho cháu Trần Văn C2, làm cho bà L không có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó để công chứng/chứng thực cung cấp cho Tòa án khi khởi kiện.

Nhận thấy hành động đó của Trần Văn Ú vừa trái đạo lý, vừa trái pháp luật gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ gia đình mẹ bà L và các đồng thừa kế di sản do mẹ bà L để lại.

Nay bà L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của mẹ bà L là bà Hứa Thị G để lại là $\frac{1}{4}$ (một phần tư) diện tích Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09 (tức bằng: $9.483\text{m}^2 \times \frac{1}{4} = 2.370,075\text{m}^2$), vị trí tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được UBND huyện V (nay là UBND thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/10/1996; cụ thể đề nghị phân chia $\frac{1}{4}$ diện tích Thửa đất số 211 (tương đương $2.370,075\text{m}^2$) thành 08 phần bằng nhau để chia đều cho 07 người con của mẹ bà L (gồm Trần Văn A, Trần Văn Đ1, Trần Thị Q1, Trần Thị L, Trần Ngọc E, Trần Thị D2 và Trần Văn Ú; riêng đối với 03 người con của mẹ bà L đã chết là Trần Văn A, Trần Văn Đ1 và Trần Thị D2 thì phần thừa kế của 03 người đó được chia cho vợ, con của những người đó hưởng) và chia cho vợ chồng cháu Trần Văn C2 01 phần còn lại, vì vợ chồng cháu Trần Văn C2 đã có công sức chăm lo cho mẹ bà L lúc tuổi già cho đến khi mẹ bà Liên quan đời; còn về phương thức chia thì bà L yêu cầu được chia bằng giá trị.

Tại đơn phản tố đề ngày 08/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị Thu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trình bày:

Bà T là con gái của ông Trần Văn Ú. Nay cha bà T qua đời, bà T đại diện cho gia đình ông Trần Văn Ú phản tố về việc bà L nói sai sự thật và vu khống cho cha bà T như sau:

+ Bà L đòi phân chia thừa kế là $\frac{1}{4}$ thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp N, xã V của mẹ bà L là cụ Hứa Thị G để lại là không có cơ sở vì đất này là của cha mẹ bà xin đất rừng tự khai hoang và đất không có chủ (Có giấy xác nhận của chính quyền địa phương ngày 02/03/1976) chứ không phải là đất của cụ G.

+ Đến ngày 23/10/1996, Nhà nước cho cán bộ tới nhà để làm bằng khoán, lúc đó cha bà ông Ú đi ghe buôn bán với bà nội bà là cụ G. Cha mẹ bà là con út sống với bà nội nên mẹ bà khai tên bà nội là chủ hộ đứng tên bằng khoán.

+ Bà nội bà cụ Hứa Thị G chỉ là người đứng tên còn việc quản lý, sử dụng đất để ở và trồng lúa là quyền của cha mẹ bà từ đó đến nay không xảy ra tranh chấp.

+ Việc bà Trần Thị L cho rằng miếng đất thuộc thửa 211, tờ bản đồ số 09 là của bà nội bà (cụ Hứa Thị G) là không đúng sự thật, vì hiện giờ bà vẫn còn giữ lại được bằng chứng là Giấy xin đất rừng của cha bà.

Nay bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị L và yêu cầu công nhận cho gia đình bà T quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông Trần Văn C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông C2 thống nhất theo ý kiến của bà L là nhận bằng giá trị.

Đối với ông Trần Văn K2, bà Trần Thị T5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn C2, bà Trần Thị Thu H1, bà Trần Thị Thu L1, ông Trần Văn T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Văn Ú; ông Trần Văn M, bà Trần Thị B1, bà Trần Thị H2, bà Trần Thị C, bà Nguyễn Thị T3, ông Trần Văn D, ông Trần Văn K, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị D1, ông Trần Văn P, ông Trần Văn H3, bà Trần Thị K1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị B; bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị H4, bà Nguyễn Thị T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Q1 đã được cấp, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, không tham gia phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, bà T trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố công nhận cho gia đình của bà gồm mẹ là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949; bà Trần Thị Thu T, sinh ngày 19/02/1975, bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1976, bà Trần Thị Thu L1, sinh năm 1983, ông Trần Văn T1, sinh năm 1986 và có người con riêng là ông Trần Văn C2, sinh năm 1971 là con riêng của cha bà là ông Ú với bà Trần Thị T2 được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09, có diện tích là 8.823,6m² tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay bà T2 đang ở đâu làm gì thì bà không biết. Nay với yêu cầu chia thừa kế của bà L thì bà không đồng ý, nhưng bà đồng ý hỗ trợ công sức của ông C2 chăm lo cho cụ G lúc tuổi già cho đến khi quan đời với số tiền là 50.000.000 đồng và đồng ý cho ông C2 tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 gắn liền với Thửa đất số 211 của cụ G, cụ D3 chết để lại dùng vào việc thờ cúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 92; khoản 1, 2 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 166; Điều 167; Điều 188; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Điều 611; Điều 612; Điều 620 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của mẹ bà L là bà Hứa Thị G để lại là $\frac{1}{4}$ (một phần tư) diện tích Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09 (tức bằng: $9.483\text{m}^2 \times \frac{1}{4} = 2.370,075\text{m}^2$), vị trí tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được UBND huyện V (nay là UBND thị xã V), tỉnh Sóc Trăng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Thu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trần Văn Ú. Công nhận diện tích đất $8.823,6\text{m}^2$ thuộc Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949, bà Trần Thị Thu T, sinh ngày 19/02/1975, bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1976, bà Trần Thị Thu L1, sinh năm 1983, ông Trần Văn T1, sinh năm 1986, ông Trần Văn C2, sinh năm 1971 và tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, phân đất có số đo tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp các Thửa đất số 28, 29, 77 có số đo 44,72m;

- Hướng Tây giáp bờ kênh đường cày có số đo 17,94m;

- Hướng Nam giáp các Thửa đất số 127, 35 có số đo $5,05\text{m} + 180,10\text{m} + 127,29\text{m}$;

- Hướng Bắc giáp các Thửa đất số 111, 112 có số đo $5,10\text{m} + 312,29\text{m}$.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất)

3. Buộc bà Trần Thị Thu T có nghĩa vụ hỗ trợ ông Trần Văn C2 số tiền 50.000.000 đồng.

4. Giao cho ông Trần Văn C2 tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 gắn liền với Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng dùng vào việc thờ cúng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/6/2024, ông H và ông C2 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa ông H và ông C2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Ông C2 trình bày: Ông C2 là con ruột của ông Ú nhưng khi ông Ú chết Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông C2 vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ú. Đất cấp cho hộ của cụ G năm 1996, nhưng chưa xác định hộ của cụ G có bao nhiêu người. Xác định người tham gia tố tụng mâu thuẫn Trần Ngọc E hiện đang ở Australia nhưng cho rằng đã chết là không đúng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để thu thập giải quyết lại vụ án cho đúng pháp luật.

Bà T trình bày: Nguồn gốc đất này do cha mẹ là ông Ú khai hoang sử dụng nhưng bà nội là cụ G chủ hộ nên đề kê khai, đăng ký và cấp giấy cho hộ; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của ông C2, ông H là người đại diện hợp pháp cho bà L thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án; tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung được đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án cho đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông C2, ông H đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Cụ Trần Văn D3 (chết ngày 15/7/1993) và cụ Hứa Thị G (chết ngày 22/01/1998) có 07 người con gồm: Trần Văn A (chết năm 2016), Trần Văn Đ1 (chết năm 2019), Trần Thị Q1, Trần Thị L, Trần Ngọc E, Trần Thị D2 (chết năm 2009) và Trần Văn Ú (chết năm 2020).

[3]. Theo Giấy CNQSDĐ ngày 23/10/1996 của UBND huyện V, tỉnh Sóc Trăng thì thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ cụ Hứa Thị G. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu để xác định UBND huyện V cấp đất cho cá nhân cụ Hứa Thị G hay hộ gia đình của cụ Hứa Thị G; nếu cấp cho hộ gia đình thì tại thời điểm cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình của cụ Hứa Thị G có những ai, nhằm bảo đảm quyền lợi cho những người trong hộ.

[4]. Nguyên đơn bà Trần Thị L tranh chấp di sản thừa kế với bị đơn ông Trần Văn Ú, nhưng khi ông Ú chết Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Trần Văn C2 là con của ông Trần Văn Ú tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Ú là thiếu sót, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn C2.

[5]. Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng hiện vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất của hộ cụ Hứa Thị G; ngoài bà Trần Thị L có yêu cầu chia thừa kế thì các đồng thừa kế khác cũng có yêu cầu và đặc biệt ông Trần Văn C2 là cháu nội của cụ Trần Văn D3 và cụ Hứa Thị G đã sống chung với hai cụ từ khi còn nhỏ cho đến khi hai cụ chết, là người trực tiếp quản lý, sử dụng, canh tác thửa đất trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem

xét công sức, quản lý, gìn giữ, tôn tạo của ông Trần Văn C2 là chưa phù hợp.

[6]. Những thiếu sót trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông C2 và ông H; chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, giải quyết lại vụ án cho đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn C2, ông Trần Việt H;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, nay là Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại vụ án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Văn C2 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002952 ngày 28/6/2024 của Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ).

3. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công - Đinh Ngọc Thu Hương

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- TANDTC;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. HCM;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

